

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS- PT

Ngày 29-3-2021

V/v Yêu cầu hủy GCNQSD đất; kiện
đòi quyền sử dụng đất và tài sản
trên đất; Yêu cầu bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Xuân Thọ;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết;

Ông Hà Văn Nâu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/DSPT ngày 09/11/2020 về việc " Kiện đòi quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS – ST ngày 09 - 9 - 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2020/QĐ- PT ngày 07/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2020/QĐ – PT ngày 30/12/2020; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 09/TB ngày 18/02/2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 12/TB ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lư V Q, sinh năm 1979 (có mặt);

- *Bị đơn*: Anh Lư Vinh B, sinh năm 1973 (có mặt);

Đều cùng địa chỉ: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lư Vinh B: Anh Phạm Đình V sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Số 174, đường N T, phường N C, quận T X, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang do ông Mai Văn D Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L N đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện L N, tỉnh Bắc Giang do ông Phạm Hồng L là Giám đốc đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

3. Ban chỉ huy quân sự huyện L N do ông Phạm Văn T là Chỉ huy trưởng đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

4. Hạt kiểm lâm huyện L N do ông Nguyễn Ngọc H là Kiểm lâm viên đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

5. Ông Hoàng Xuân Q, sinh năm 1950 (vắng mặt);

6. Anh Dương Văn X, sinh năm 1988 (vắng mặt);

7. Anh Dương Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

8. Chị Dương Thị M, sinh năm 1985 (vắng mặt);

9. Bà Diệp Thị N, sinh năm 1951 (vắng mặt);

10. Chị Dương Thị A, sinh năm 1982 (vắng mặt);

11. Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt); người đại diện theo ủy quyền của chị Trịnh Thị H anh Lư V Q, sinh năm 1979 (có mặt);

12. Chị Nguyễn T T, sinh năm 1975 (vắng mặt);

13. Bà Hoàng Thị M M, sinh năm 1940 (vắng mặt);

14. Ông Dương Phúc V, sinh năm 1950 (có mặt).

Đều trú tại: Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2017, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Lư V Q trình bày:

Năm 1991, thực hiện chính sách giao đất rừng của Nhà nước, gia đình anh được Hạt kiểm lâm huyện L N giao cho nhận khoán và canh tác 01 lô rừng sản xuất tại địa chỉ khu Hàm Rồng, Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Khi đó để được giao

đất, gia đình anh chỉ làm đơn nhận rừng và được cán bộ Kiểm lâm đến chỉ ranh giới và giao đất trên thực địa.

Thời điểm đó, gia đình anh gồm có các thành viên: Ông Lư Hán Đ (là bố đẻ anh), bà Hoàng Thị M M (là mẹ đẻ anh), anh Lư Vinh B (là anh trai anh), anh Lư V Q và chị Lư Thị L (là em gái anh).

Năm 1990, anh Lư Vinh B kết hôn với chị Nguyễn T T và dọn ra ở riêng trên mảnh đất độc lập được gia đình cho. Năm 1993, gia đình anh thống nhất phân chia đất rừng cho anh Lư Vinh B và anh thành 02 phần bằng nhau, mỗi gia đình được một nửa. Phần diện tích anh được chia một cạnh giáp đất hộ ông Từ Văn N, một cạnh giáp đất hộ ông Dương Phúc V, một cạnh khoảng 10 mét giáp hộ ông Nông Văn H, một cạnh giáp đất hộ anh Lư Vinh B được phân chia. Diện tích bố mẹ chia cho anh là khoảng 05 ha. Phần đất anh Lư Vinh B được chia có một cạnh giáp đất ông Dương Phúc V, một cạnh giáp hộ ông Ninh Sùi V, hộ ông Ninh Văn N, hộ ông Ninh Văn L, hộ ông Từ Văn L, ông Nông Văn H, cạnh còn lại giáp phần đất bố mẹ đã chia cho anh, nhưng vẫn đứng tên bố anh là hộ ông Lư Hán Đ.

Sau khi được chia đất, anh Lư Vinh B đã nhận đất và tự quản lý, khai thác sử dụng trên mảnh đất được chia, phần còn lại do anh quản lý và khai thác sử dụng (khi đó anh chưa lập gia đình, vẫn sống cùng bố mẹ).

Ngày 15/12/1996, gia đình anh được UBND huyện L N cấp Giấy chứng nhận quyền quản lý kinh doanh rừng và đất lâm nghiệp đứng tên chủ hộ Lư Hán Đ, diện tích 1,6ha, lô số 40, khoảnh 6. Kèm theo Giấy chứng nhận cùng biên bản giao nhận rừng và đất rừng sản xuất lập ngày 09/11/1996 của UBND huyện L N cùng sơ đồ thửa đất do Hạt kiểm lâm huyện L N và UBND xã N D lập, trên đó có sơ đồ thể hiện số lô, khoảnh, diện tích rừng giao cho gia đình anh. Phần diện tích thửa đất mà gia đình anh được nhận và canh tác ổn định đến nay rõ ràng, không có tranh chấp có diện tích thực tế là 10 ha.

Năm 1997, bố mẹ anh chính thức giao đất rừng (5ha) cho anh canh tác, quản lý. Bố mẹ anh chỉ hỗ trợ một phần trong việc giúp anh quản lý và canh tác. Anh bắt đầu trồng cây vải thiều trên mảnh đất được bố mẹ chia cho từ năm 1997, trước đó gia đình chỉ trồng cây ngắn ngày.

Năm 2001, anh kết hôn với chị Trịnh Thị H, hai vợ chồng tiếp tục trồng cây vải thiều trên mảnh đất đó, tổng số trồng được khoảng 450 cây vải. Để trồng được cây vải trên mảnh đất đó và đảm bảo chăm sóc cây phát triển tốt, anh cùng vợ đã bỏ nhiều công

sức để đào hố, hạ băng thu dọn đá, gốc cây để san lấp cải tạo, công việc này kéo dài nhiều năm trong quá trình chăm sóc cây.

Phần đất của anh và anh Lư Vinh B được xác định ranh giới bằng ranh giới tự nhiên là hàng vải thiều đã trồng. Anh trồng thừa hơn anh Lư Vinh B, hai gia đình trồng hàng lệch nhau đó là căn cứ để xác định ranh giới 02 phần đất trên thực địa.

Việc anh cùng vợ anh khai phá, cải tạo, chăm sóc và quản lý đất và cây trồng trên đất thực tế có bà con, hàng xóm và những gia đình có đất liền kề xác nhận chứng kiến công sức vợ chồng anh bỏ ra.

Trong thời gian trồng và chăm sóc từ năm 1997 đến năm 2007, toàn bộ sản phẩm thu hoạch được trên mảnh đất 5ha do anh và bố mẹ cùng thu và tái đầu tư vào khu đất. Đến năm 2007, bố mẹ anh tách khẩu cho vợ chồng anh ở riêng và thống nhất để cho bố mẹ thu hoạch sản phẩm từ cây vải thiều trong thời gian bố mẹ anh còn khỏe mạnh đến khi nào già yếu thì sẽ bàn giao lại cho anh quản lý và canh tác. Vì tình mẫu tử đồng thời tạo điều kiện cho bố mẹ có thu nhập để tự chủ chi tiêu trong lúc còn khỏe mạnh nên vợ chồng anh đồng ý theo thống nhất của bố mẹ.

Năm 2013, anh Lư Vinh B tự ý thuê máy xúc vào xúc 12 cây vải có đường kính tán từ 5,5 mét đến 6,5 mét do vợ chồng anh trồng và chăm sóc. Đồng thời, anh Lư Vinh B dùng vũ lực ngăn cản không cho vợ chồng anh vào canh tác, khai thác hoa màu trên phần đất mà bố mẹ đã chia cho. Năm 2015 anh Lư Vinh B tiếp tục thuê máy xúc vào làm trên mảnh đất rừng bố mẹ cho anh và cho người chặt phá 138 cây vải thiều có đường kính tán từ 5,5 mét đến 6,5 mét do anh và vợ anh trồng. Anh Lư Vinh B tiếp tục ngăn cản vợ chồng anh vào canh tác và tự ý thu hoạch vải trên phần đất của anh được chia.

Trước các sự việc nêu trên, anh đã nhiều lần yêu cầu anh Lư Vinh B chấm dứt hành vi cản trở, sử dụng đất của anh, trả lại đất cho anh. Tuy nhiên anh Lư Vinh B tiếp tục chiếm giữ đất và tài sản trên đất của vợ chồng anh.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, anh được biết năm 2002 diện tích đất rừng của gia đình anh được Nhà nước cấp 02 sổ đỏ, một sổ đứng tên anh Lư Vinh B phần đất được gia đình cho, một sổ đứng tên ông Lư Hán Đ phần đất anh cùng bố mẹ quản lý và sử dụng. Nhưng đến năm 2014, anh Lư Vinh B đã làm lại sổ đỏ và hợp nhất cả hai sổ đó vào một sổ đứng tên anh Lư Vinh B đối với toàn bộ lô đất rừng tại khu Hàm Rồng, thôn L, xã N D, huyện L N mà gia đình anh được giao năm 1991.

Khi làm sổ đỏ, cơ quan nhà nước đã tiến hành đo vẽ xác định diện tích thực tế của lô đất rừng là 102.400m² chứ không phải chỉ 1,6 ha.

Năm 2011, bố anh là ông Lư Hán Đ bị tai biến mạch máu não, không nói được, không đi lại được, mất khả năng nhận thức. Anh không biết vì lý do gì mà anh Lư Vinh B đã làm được thủ tục sang tên giấy chứng nhận khai thác, kinh doanh đất rừng từ tên bố anh ông Lư Hán Đ sang cho anh Lư Vinh B. Việc anh Lư Vinh B làm thủ tục sang tên, các thành viên trong gia đình không biết và không đồng ý. Đặc biệt thời điểm anh Lư Vinh B làm sổ đỏ đối với lô rừng nói trên, trên đất còn có 450 cây vải có đường kính tán từ 5,5 mét đến 6,5 mét do vợ chồng anh trồng và đang trong thời kỳ thu hoạch.

Nay anh làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BU654131, số vào sổ cấp CH000393 (Quyết định cấp số 1120/QĐ-UBND) ngày 12/6/2014 do UBND huyện L N cấp cho anh Lư Vinh B.

- Yêu cầu anh Lư Vinh B trả lại diện tích 5ha đất lâm nghiệp cùng trị giá của 450 cây vải thiếu trên đất (Trong đó 300 cây do nhà nước thu hồi và anh Lư Vinh B nhận tiền bồi thường); Yêu cầu anh Lư Vinh B phải bồi thường đối với 150 cây do anh Lư Vinh B chặt phá từ năm 2013 – 2015 có trị giá 140.000.000 đồng.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lư Vinh B trình bày:

Bố mẹ anh là ông Lư Hán Đ và bà Hoàng Thị M M sinh được 05 người con là: Lư Thị X, sinh năm 1960, Lư Thị T, Lư Vinh B, Lư V Q và Lư Thị L. Các con gái của ông Đ bà M M đã lập gia đình và dọn ra ở riêng từ lâu nên không liên quan gì đến vấn đề tranh chấp đất giữa anh và anh Lư V Q, bố mẹ anh đã chia đất cho anh Lư V Q làm nhà.

Đối với phần đất rừng được nhà nước giao thầu cho bố mẹ anh từ năm 1989 có diện tích là 1,6ha tại khoảnh 6 lô số 40 thuộc khu H R, Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Năm 2002 bố anh có tách diện tích đất lâm nghiệp trên thành 02 phần, một phần 0,8ha đứng tên Lư Hán Đ, một phần 0,8ha đứng tên Lư Vinh B. Đối với phần đất đứng tên ông Lư Hán Đ, ông Đ đã bán cho người khác từ năm 2014. Phần đất đứng tên anh thì anh vẫn đang quản lý, sử dụng, canh tác.

Đối với lô đất có diện tích 102.400m² thuộc khoảnh 9 lô số 41 là do anh nhận chuyển nhượng từ ông Dương Phúc V vào năm 2014, phần đất này không liên quan gì đến anh Lư V Q.

Đến năm 2016 bố anh là ông Lư Hán Đ chết. Nhà nước có dự án quy hoạch đất rừng của anh làm thao trường của trường bắn quân sự thuộc khoảnh 9 lô số 41. Anh Lư V Q thấy số tiền đền bù lớn nên nảy sinh ý định tranh chấp với anh.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lư V Q thì anh không nhất trí.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Bà Hoàng Thị M M trình bày:

Khoảng năm 1989 – 1990, bà và ông Lư Hán Đ (Đ) được nhà nước giao sử dụng diện tích 1,6ha đất lâm nghiệp tại Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 1996 thì nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chồng bà là ông Lư Hán Đ. Vợ chồng bà sinh được 05 người con, anh Lư V Q là con thứ bốn.

Sau khi được Nhà nước giao cho ông bà sử dụng 1,6ha đất thì gia đình bà trồng sắn, sau vài năm mới trồng vài thiêu. Hiện nay số cây vài trên diện tích đất này khoảng 1.000 cây. Diện tích đất lâm nghiệp này vợ chồng bà chưa chia cho người con nào, khi đó gia đình bà gồm có vợ chồng bà, anh Lư Vinh B, chị Lư Thị L cùng nhau trồng trọt và thu hoạch, anh Lư V Q lúc đó còn nhỏ đang đi học, không tham gia trồng trọt hay đóng góp gì.

Năm 2014 chồng bà là ông Lư Hán Đ chết, trước khi ông Đ chết thì đã bán một nửa diện tích đất lâm nghiệp (0,8 ha) cho một người ở dưới xuôi, người này sau đó lại bán cho người khác. Phần đất còn lại diện tích 0,8 ha hiện đang do anh Lư Vinh B quản lý, sử dụng.

Cùng năm 2014 anh Lư Vinh B có mua lại của người cùng thôn diện tích 102.400 m² đất lâm nghiệp tại khoảnh số 9, lô số 41 khu núi Hàm Rồng, thôn L, xã N D. Đến nay anh Lư Vinh B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với thửa đất này và một nửa diện tích đất tại khoảnh số 6, lô số 40 (diện tích 0,8ha) nêu trên.

Bà đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh Lư V Q vì bà xác định diện tích đất lâm nghiệp 1,6 ha vợ chồng bà không chia cho anh Lư V Q nên anh Lư V Q không có quyền đòi hỏi. Còn phần đất 102.400 m² là do anh Lư Vinh B mua lại của ông Dương Phúc V, phần đất này cũng không phải đất của anh Lư V Q nên anh Lư V Q không có quyền đòi hỏi.

2. Ông Dương Phúc V trình bày:

Ông và ông Lư Hán Đ có quan hệ hàng xóm, láng giềng. Gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang có diện tích là 102.400m² tại lô số 41, thửa số k9. Diện tích này được cấp sổ bìa xanh (đất lâm nghiệp) vào năm 1996. Đến năm 2002, được Nhà nước cấp GCNQSD đất (sổ đỏ). Tuy nhiên trên thực tế gia đình ông không sử dụng thửa đất nêu trên mà do gia đình ông Lư Hán Đ quản lý, sử dụng. Lý do gia đình ông Đ sử dụng thửa đất trên là do gia đình ông Đ vẫn sử dụng từ trước. Diện tích thực tế gia đình ông sử dụng chỉ có 1,6ha tại khoảnh 6 lô số 40. Nguyên nhân nhầm lẫn này là do năm 1996 khi nhà nước cấp sổ bìa xanh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng) thì đã cấp nhầm tên giữa hai gia đình. Năm 2002, khi được chuyển đổi sang sổ bìa đỏ thì UBND huyện L N không đính chính lại nên theo giấy tờ vẫn nhầm tên chủ sử dụng đất, diện tích của nhà ông Đ thì cấp tên nhà ông, diện tích của nhà ông lại cấp tên ông Đ.

Ngay từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng vào năm 1996, hai gia đình đã phát hiện ra việc cấp nhầm tên nhưng không khiếu nại gì vì khi đó đất đất là đất rừng, có giá trị nhỏ. Ông và ông Đ cứ tiếp tục sử dụng, không tranh chấp gì.

Ngày 27/8/2010 ông cho ông Lư Hán Đ mượn sổ đỏ để làm thủ tục cấp lại sổ đỏ đứng tên người sử dụng. Khi đó ông Đ mượn sổ đỏ của ông thì ông có lập văn bản yêu cầu ông Đ ký tên vào. Sau đó không thấy ông Đ trả lại sổ đỏ nên ông đã sang đòi nhiều lần nhưng ông Đ nói đã giao việc đó cho anh Lư Vinh B rồi. Ông có sang yêu cầu anh Lư Vinh B trả lại sổ đỏ thì anh Lư Vinh B cho biết chưa làm thủ tục xong.

Năm 2014 ông được biết anh Lư Vinh B đã được cấp GCNQSD đất đối với diện tích 102.400m² mà trước đó mang tên hộ gia đình ông. Lý do vì sao anh Lư Vinh B có được sổ đỏ này, thủ tục Nhà nước cấp thế nào thì ông không biết. Ông có nói với anh Lư Vinh B rằng: “Sổ này cấp sai rồi, cấp không đúng rồi”, nhưng anh Lư Vinh B nói là “Sổ của chú với sổ của bố cháu giống nhau, chỉ có 8.000m² thôi” và anh Lư Vinh B có trả cho ông một GCNQSD đất có diện tích 8.000m². Vì sau đó do ông vẫn tiếp tục canh tác trên phần đất có diện tích 1,6ha (mặc dù trên sổ chỉ còn 8000m²) nên ông không có khiếu nại gì với anh Lư Vinh B.

Ông khẳng định ông không tham gia bất kỳ thủ tục gì trong toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSD đất cấp cho hộ anh Lư Vinh B, những chữ ký, chữ viết của ông trong hồ sơ không phải của chữ ký, chữ viết do ông viết ra. Vợ ông là bà Diệp Thị N cũng không ký tên vào bộ hồ sơ này. Những chữ ký, chữ viết này do ai viết ra ông cũng không biết. Ông xác định chỉ ký duy nhất một lần cho anh Lư Vinh B để anh Lư Vinh B đi

đổi tên sổ. Còn lại những chữ ký, chữ viết khác trong hồ sơ cấp GCNQSD đất không phải chữ của ông.

Ông cũng không được nhận bất kỳ khoản tiền chuyển nhượng nào của ông Đ hay của anh Lư Vinh B liên quan đến phần đất có tranh chấp giữa anh Lư V Q và anh Lư Vinh B. Ông cũng không ký tên trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 25/4/2014. Ông không nộp bất kỳ khoản tiền thuế trước bạ nào vì ông không mua bán, chuyển nhượng gì liên quan đến đất đai. Biên lai số 0007398 lập ngày 20/5/2014 của Chi cục Thuế huyện L N thể hiện ngày 20/5/2014 ông có nộp số tiền 240.000 đồng là không đúng sự thật. Ông không được ký tên vào biên bản này.

Nay ông xác định phần đất của ông là 1,6ha tại lô số 40 khoảnh 6 (theo GCNQSDĐ là 8000m²) ông đã bán lại cho ông Hoàng Xuân Q. Đối với phần đất tại khoảnh 9 diện tích 102.400m² mà ông đã cho ông Đ (sau này là anh Lư Vinh B) mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc ông Đ, anh Lư Vinh B làm thủ tục chuyển nhượng sang tên anh Lư Vinh B như thế nào thì ông không biết.

3. Chị Trịnh Thị H trình bày:

Chị là vợ của anh Lư V Q, chị kết hôn với anh Lư V Q ngày 02/6/2001 (âm lịch). Năm 2001, chị về làm dâu nhà anh Lư V Q thì diện tích đất rừng mà nay có tranh chấp với anh Lư Vinh B là đất của gia đình chị (gồm ông Đ, bà M M và vợ chồng chị) quản lý sử dụng. Phần đất này diện tích là bao nhiêu, số lô, số thửa thế nào thì chị không nắm được, công việc trồng trọt là do anh Lư V Q đảm nhiệm. Nguồn gốc thửa đất từ đâu mà có chị cũng không nắm được.

Trên đất khi đó đã có khoảng 400 cây vải thiều đã được thu hoạch quả, ngoài ra có trồng thêm nhãn (12 cây), cũng như lạc, ngô, sắn. Trước khi kết hôn với anh Lư V Q thì chị đã thấy anh Lư V Q trồng trọt trong đó. Sau khi chị kết hôn với anh Lư V Q thì chị có cùng anh Lư V Q trồng thêm khoảng 50 cây vải và 12 cây nhãn, cũng như trồng thêm sắn. Việc trồng trọt là do công sức của chị và anh Lư V Q chứ không còn có ai khác.

4. Chị Nguyễn T T trình bày:

Chị là vợ của anh Lư Vinh B. Nguồn gốc đất rừng đang tranh chấp giữa anh Lư Vinh B và anh Lư V Q là do bố chồng chị là ông Lư Hán Đ để lại và một phần chồng chị mua thêm của ông Dương Phúc V.

Phần đất của ông Lư Hán Đ trước đây là 1,6ha. Ông Đ bán cho ông Đức (cùng thôn) 8000 m², phần còn lại 8000 m² ông Đ chia cho anh Lư Vinh B. Phần đất anh Lư Vinh B mua lại của ông Dương Phúc V có diện tích 102.400 m². Cả hai phần đất này đều đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lư Vinh B.

Từ khi về làm dâu nhà anh Lư Vinh B năm 1992, chị có cùng cả gia đình chồng lao động, cải tạo diện tích đất rừng trên. Việc anh Lư V Q khai là vợ chồng anh Lư V Q trồng trọt vãi thiêu trên diện tích 102.400m² là không đúng. Chị xác định vợ chồng anh Lư V Q không đóng góp công sức gì trên diện tích đất đang tranh chấp với anh Lư Vinh B.

5. Ông Hoàng Xuân Q trình bày:

Gia đình ông không quan hệ gì với các bên tranh chấp mà chỉ là hàng xóm. Vào ngày 02/11/2016 ông có mua diện tích đất khoảng 2,2ha (thực tế theo GCNQSDĐ là 8000m²) của ông Dương Phúc V, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Dương Phúc V. Diện tích đất này không liên quan gì đến phần tranh chấp giữa ông Dương Phúc V và anh Lư Vinh B vì diện tích đất này được phân định danh giới rõ ràng bằng đường bằng, do vậy ông không yêu cầu, đề nghị gì.

6. Bà Diệp Thị N trình bày:

Bà là vợ của ông Dương Phúc V. Năm 1996 gia đình bà được nhà nước giao cho sử dụng 102.400 m² đất lâm nghiệp tại lô số 41 thửa số K9, đã được cấp sổ bìa xanh năm 1996, đến năm 2002 thì được cấp đổi sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ). Theo giấy chứng nhận này thì diện tích đất trên được cấp cho hộ gia đình bà. Năm 2010 chồng bà là ông Dương Phúc V có cho ông Lư Hán Đ (Dính) mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để ông Đ mang đi đổi lại tên sổ cho đúng (Vì khi cấp sổ bìa xanh nhà nước cấp nhầm tên người sử dụng đất giữa ông Đ và ông Dương Phúc V).

Năm 2014 anh Lư Vinh B (Con trai ông Đ) đã trả cho gia đình bà một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 8000 m² (Diện tích này nằm trong phần đất 1,6ha mà ông Lư Hán Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1996). Còn toàn bộ diện tích 102.400m² đã được làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lư Vinh B.

Bà không được tham gia ký kết văn bản nào để bán đất cho anh Lư Vinh B, bà không được làm việc với cán bộ nào, cơ quan liên quan trong việc làm sổ đất cho anh Lư Vinh B. Việc ông Dương Phúc V có đơn yêu cầu khởi kiện độc lập để đòi lại đất thì bà nhất trí với yêu cầu của ông Dương Phúc V.

7. Anh Dương Văn T, chị Dương Thị M, chị Dương Thị A, anh Dương Văn X đều trình bày:

Các anh, chị là con đẻ của ông Dương Phúc V và bà Diệp Thị N. Diện tích 102.400 m² đất lâm nghiệp do UBND huyện L N cấp cho gia đình anh chị. Việc anh Lư Vinh B tự ý làm thủ tục chuyển nhượng diện tích đất này từ ông Dương Phúc V cho anh Lư Vinh B như thế nào thì các anh, chị không được biết. Các anh, chị chưa bao giờ được tham gia làm việc, ký kết văn bản giấy tờ liên quan gì đến chuyển nhượng diện tích đất này cho anh Lư Vinh B. Nay ông Dương Phúc V có yêu cầu độc lập kiện đòi lại diện tích đất này thì các anh, chị đồng ý với yêu cầu của ông Dương Phúc V, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

8. Ban chỉ huy quân sự huyện L N ông Phạm Văn T là Chỉ huy trưởng trình bày:

Thực hiện Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện L N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện xây dựng công trình: Quốc phòng trong khu vực phòng thủ huyện L N giai đoạn 2016 – 2020; Hạng mục Đường cơ động vào căn cứ chiến đấu 2 và thao trường bắn súng bộ binh tại xã N D, huyện L N.

Ngày 25 tháng 01 năm 2017 Ban chỉ huy Quân sự huyện phối hợp với Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện, UBND xã N D tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng theo phương án đã được phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho anh Lư Vinh B thì giữa anh Lư Vinh B và anh Lư V Q (em trai anh Lư Vinh B) xảy ra tranh chấp đối với diện tích đất và tài sản trên đất. Căn cứ khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư – Ban chỉ huy Quân sự huyện đã tạm dừng việc chi trả tiền cho anh Lư Vinh B và ban hành công văn số 216/CV-QS ngày 28/3/2017 đề nghị UBND huyện L N cho ý kiến chỉ đạo.

Tại Công văn số 215/UBND-VP ngày 30/3/2017 của UBND huyện L N đã cho ý kiến “Ban chỉ huy Quân sự huyện chủ trì phối hợp với Phòng tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện chi trả tiền cho các hộ theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt đảm bảo đúng quy định của pháp luật”. Thực hiện sự chỉ đạo trên của UBND huyện L N, ngày 12/4/2017 Ban chỉ huy Quân sự huyện đã thực hiện việc chi

trả số tiền 1.674.748.280 đồng (Một tỷ sáu trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi đồng) cho anh Lư Vinh B.

Ban chỉ huy Quân sự huyện xác định: Toàn bộ quy trình thu hồi đất, giải phóng mặt bằng cũng như công tác chi trả tiền bồi thường cho những hộ gia đình thuộc đối tượng được chi trả đã được Ban chỉ huy Quân sự huyện thực hiện đúng quy định của pháp luật.

9. Hạt kiểm lâm huyện L Ndo ông Phạm Văn C là Hạt trưởng đại diện theo pháp luật trình bày:

Việc giao đất, giao rừng cho hộ gia đình ông Lư Hán Đ và ông Dương Phúc V cùng cư trú tại thôn L, xã N D, huyện Lục Ngạn có đầy đủ các ban ngành địa phương. Bên giao đất gồm ông Trịnh Văn S là Chủ tịch UBND xã N D, huyện L N; ông Đặng Trung T là trưởng thôn L xã N D; ông Thân Văn Th là cán bộ Lâm nghiệp xã N D; ông Lê Quang C là cán bộ Hạt kiểm lâm huyện L N; Bên nhận có ông Lư Hán Đ, ông Dương Phúc V cùng trú tại thôn L, xã N D, huyện L N.

Việc giao đất rừng, đất lâm nghiệp được tiến hành trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao và bên nhận đất. Các lô đất, vị trí lô, khoảnh, diện tích, ranh giới rõ ràng, không chồng chéo, không tranh chấp.

Việc lập hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp (Sổ bìa xanh) cho hộ ông Lư Hán Đ và ông Dương Phúc V được thực hiện đúng quy định của Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ. Việc cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp là đúng số lô, số khoảnh, diện tích, vị trí ngoài thực địa tại thời điểm giao, không tranh chấp, không chồng chéo với hộ khác.

10. UBND huyện L Ndo ông Mai Văn D chức vụ Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo Quyết định số 494/UB ngày 15/12/1996 của UBND huyện L N: Ông Lư Hán Đ (Đ) được giao đất tại lô 40, khoảnh 9 (Do lỗi kỹ thuật nên trong hồ sơ ghi nhầm khoảnh 9 thành khoảnh 6) có diện tích 1,6 héc ta và ông Dương Phúc V được giao đất lô số 41, khoảnh 9 có diện tích 10,24 héc ta.

Hồ sơ giao đất, giao rừng cho ông Lư Hán Đ và ông Dương Phúc V được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ và Luật đất đai năm 1993. Việc giao đất được tiến hành trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao đất, bên nhận đất và đại diện chính quyền địa phương (Có biên bản giao nhận rừng và đất lâm nghiệp ngày 09/11/1996). Việc cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho ông Đ, ông Dương Phúc V là đúng tên người được giao đất, đúng số lô, số khoảnh, vị trí ngoài thực địa tại thời điểm giao, không tranh chấp, không chồng chéo.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lư Vinh B: Ngày 08/11/2002 ông Dương Phúc V được UBND huyện L N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 102.400 m² đất rừng tái sinh tại thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp 00705 QSDĐ/1082/QĐ-UB (H)). Ngày 25/4/2014 ông Dương Phúc V làm hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho anh Lư Vinh B, sinh năm 1973 trú tại thôn L, xã N D, huyện L N. Ngày 12/6/2014 anh Lư Vinh B đã được UBND huyện L N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Seri BU654131, số vào sổ cấp CH000393 (Quyết định cấp số 1120/QĐ-UBND).

Theo hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất giữa ông Dương Phúc V và anh Lư Vinh B cho thấy: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích 102.400 m² đất rừng tái sinh) cho anh Lư Vinh B được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc diện tích đất của anh Lư Vinh B có sự chênh lệch giữa đo theo hiện trạng và diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số trong đo đạc (Khi cấp giấy chứng nhận đo bằng phương pháp đo đạc thủ công, bản đồ địa chính đo bằng máy móc tiên tiến, hiện đại hơn nên độ chính xác cao hơn). Diện tích tăng thêm này đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

11. Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện L N do ông Phạm Hồng L là Giám đốc đại diện theo pháp luật trình bày:

Năm 2016 Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện L N được Ủy ban nhân dân huyện L N giao nhiệm vụ thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng công trình: Quốc phòng trong khu vực phòng thủ huyện L N giai đoạn 2016 – 2020; Hạng mục Đường cơ động vào căn cứ chiến đấu 2 và thao trường bắn súng bộ binh tại xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Toàn bộ quá trình thực hiện nhiệm vụ trên đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện L N tiến hành đúng quy định của pháp luật (Đã có hồ sơ cung cấp cho Tòa án).

Với chức năng và nhiệm vụ được giao, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện L N xác định đã thực hiện xong công việc theo đúng quy định của pháp luật.

Vấn đề về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lư Vinh B như thế nào thì Trung tâm không nắm được và không có thẩm quyền giải quyết việc này. Nay anh Lư V Q yêu cầu Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Lư Vinh B, yêu cầu anh Lư Vinh B phải bồi thường thiệt hại thì quan điểm của Trung tâm là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho các đương sự.

Tại các biên bản làm việc, biên bản lấy lời khai, người làm chứng trình bày:

1. Ông Nguyễn Văn V – Cán bộ địa chính xã N D trình bày:

Ông công tác tại UBND xã N D, đảm nhiệm chức danh công chức địa chính từ năm 2012 cho đến nay.

Nguồn gốc đất hiện nay đang xảy ra tranh chấp giữa ông Lư V Q và ông Lư Vinh B có diện tích 10ha đất này có nguồn gốc là đất lâm nghiệp được Nhà nước giao khoán năm 1996, diện tích này giao cho ông Dương Phúc V, còn diện tích 1,6ha giao cho ông Lư Hán Đ nằm phía bên trên. Thực tế từ năm 1996 ông Lư Hán Đ đã sử dụng toàn bộ diện tích của ông Dương Phúc V. Lý do vì sao ông Dương Phúc V cho ông Đ được canh tác trên đất của mình thì địa phương không biết.

Năm 2002, Nhà nước có chính sách đổi sổ lâm bạ sang sổ đỏ. Ông Dương Phúc V được cấp diện tích 10,2ha; anh Lư Vinh B được cấp 0,8ha, ông Lư Hán Đ được cấp 0,8ha (trong đó diện tích đất 0,8ha mà anh Lư Vinh B được cấp có nguồn gốc từ 1,6ha của ông Đ tách cho).

Năm 2014, ông Dương Phúc V có chuyển nhượng toàn bộ diện tích 10,2ha đất rừng cho ông Lư Vinh B. Anh Lư Vinh B được cấp GCNQSD đất cùng năm 2014. Trong quá trình đổi sổ và làm thủ tục chuyển nhượng để cấp GCNQSD đất thì giữa ông Dương Phúc V và anh Lư Vinh B không xảy ra tranh chấp. Về mặt pháp lý thì diện tích đất 10,2ha không liên quan gì đến anh Lư V Q.

Đối với diện tích 1,6ha của ông Đ, năm 2014, ông Đ đã bán cho ông Dương Phúc V 0,8ha. Phần còn lại được cấp GCNQSD đất mang tên Lư Vinh B. Việc ông Đ, bà M M thỏa thuận cho anh Lư Vinh B cụ thể như thế nào thì ông không biết.

Về tài sản là những cây trồng trên đất 10,2ha gồm có những gì, chủng loại ra sao, số lượng thế nào, trồng vào thời gian nào, ai là người trồng và chăm sóc thì ông không nắm được.

2. Ông Nguyễn Quang K – Nguyên Chủ tịch UBND xã N D (giai đoạn 2014-2015) trình bày:

Năm 2014 UBND xã N D có chứng thực bản Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Phúc V và anh Lư Vinh B. Ông có ký xác nhận vào mục “Chủ tịch UBND xã N D” trong hợp đồng nhưng trên thực tế ông không trực tiếp xây dựng hồ sơ và làm việc với công dân. Việc này được giao nhiệm vụ cụ thể cho bộ phận một cửa, trong đó có công chức địa chính xây dựng, công chức địa chính, công chức tư pháp phải có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản, thẩm định hồ sơ, làm việc trực tiếp với các bên đương sự. Khi đã hoàn thiện hồ sơ và đủ điều kiện thì mới trình lãnh đạo ký. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do bộ phận một cửa của UBND xã hoàn thiện. Ông chỉ ký chứng thực khi đã có đủ điều kiện chứ không trực tiếp làm việc với các bên đương sự.

1. Ông Lê Duy B - Cán bộ tư pháp xã N D, huyện L N trình bày:

Ông làm cán bộ tư pháp tại UBND xã N D, huyện L N đã được hơn 30 năm. Năm 2014 ông đã thực hiện 02 bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lư Hán Đ và ông Dương Phúc V và hồ sơ giữa ông Dương Phúc V và anh Lư Vinh B.

Việc lập hồ sơ, làm việc với các bên đương sự và việc ký tên vào biên bản làm việc của các bên đều thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tất cả chữ ký của những người tham gia ký kết các hồ sơ này đúng chữ ký của người đó.

2. Ông Trần Triệu S – Cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L N trình bày:

Năm 2014 ông có được thẩm định hồ sơ biến động đất đai của anh Lư Vinh B, ông Lư Hán Đ và ông Dương Phúc V cùng trú tại Thôn L, xã N D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cán bộ tư pháp thiết lập và giúp Chủ tịch UBND xã trong việc chứng thực hợp đồng. Hồ sơ sau khi chứng thực xong thì chuyển đến bộ phận một cửa của UBND huyện để tiến hành thủ tục tiếp theo.

Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cũ nát, xuống cấp hoặc chưa có sơ đồ hình thể thửa đất thì có quyền được đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận mới.

Việc lập hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên trong vụ án này không bắt buộc phải đến thực địa.

Theo quy định thì ông không cần phải làm việc trực tiếp với công dân và 2 bộ hồ sơ này ông cũng không trực tiếp làm việc với đương sự nào cả.

3. Tại biên bản làm việc ngày 19/8/2020, ông Chu Văn B – Trưởng thôn L, xã N D cung cấp thông tin như sau:

Anh Lư V Q và anh Lư Vinh B là hai anh em ruột, hiện đang cư trú tại thôn L, xã N D. Địa phương có được biết từ những năm 1990 bố mẹ của hai anh này đã chia đất rừng cho anh Lư V Q và anh Lư Vinh B để trồng cây ăn quả trong khu vực núi Hàm rồng và thực tế cả hai anh em đã canh tác, sử dụng từ những năm 1993 – 1994 đến nay không xảy ra tranh chấp với ai tại địa phương.

Việc bố mẹ anh Lư V Q, anh Lư Vinh B phân chia đất cho các anh cụ thể thế nào, thỏa thuận bằng miệng hay lập văn bản giấy tờ với nhau thì địa phương không nắm được.

Trên phần đất mà anh Lư V Q được bố mẹ giao cho sử dụng, địa phương có chứng kiến anh Lư V Q là người trực tiếp cải tạo, trồng trọt, thu hoạch cây ăn quả, sau khi anh Lư V Q lấy vợ thì cả hai vợ chồng cùng lao động, trồng trọt trên đất này. Có thời điểm bố mẹ anh Lư V Q vẫn còn ở cùng với vợ chồng anh Lư V Q nên bố mẹ anh Lư V Q có tham gia giúp đỡ trong việc chăm sóc cây cối, thu hoạch hoa quả. Thực tế thì anh Lư V Q là người lao động chính trên phần đất đang tranh chấp, còn việc thu hoạch sản phẩm trên đất như thế nào thì giữa anh Lư V Q và bố mẹ anh Lư V Q thỏa thuận, địa phương không nắm được.

4. Tại biên bản làm việc với anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1976 trú tại thôn L, xã N D, huyện L N ngày 19/8/2020. Anh T cho biết như sau:

Khoảng những năm 1993 – 1994 anh có được anh Lư V Q nhờ sang làm giúp. Công việc anh Lư V Q nhờ anh thường là lên rừng trồng sắn, bẻ vãi, thu sắn ... ngoài ra có một số lần anh Lư V Q nhờ anh lên hạ băng (Đào hố trồng cây), việc làm giúp anh Lư V Q không lấy công, làm giúp anh Lư V Q chứ không phải giúp cho bố mẹ anh Lư V Q.

Trong quá trình đi làm giúp, anh có được anh Lư V Q chỉ rõ phần đất nào là đất bố mẹ chia cho anh Lư V Q, phần đất nào chia cho anh Lư Vinh B. Hai phần đất có ranh giới rõ ràng. Giữa bố mẹ anh Lư V Q và anh Lư V Q có thỏa thuận hay văn bản giấy tờ gì về việc cho tặng đất không thì anh không nắm được.

Trong thời gian anh đi làm giúp anh Lư V Q thì chưa bao giờ thấy bố mẹ anh Lư V Q lên tham gia hay chỉ đạo gì với công việc của anh Lư V Q. Anh xác nhận những cây vải trên phần đất có tranh chấp chủ yếu do anh Lư V Q trồng trọt từ khi anh Lư V Q còn ít tuổi. Công sức của anh Lư V Q là chính, bố mẹ anh Lư V Q chỉ phụ giúp trong việc phát cỏ, trông nom.

7. Tại biên bản làm việc ngày 19/8/2020 với ông Từ Văn C, sinh năm 1963 trú tại thôn L, xã N D, ông C cho biết:

Những năm 1990 anh Lư V Q ở cùng bố mẹ, sau khi anh Lư V Q lấy vợ thì cả vợ chồng cũng ở cùng bố mẹ (Ông Đ – bà M M). Cả gia đình canh tác, sử dụng đất rừng trên phần đất hiện nay xảy ra tranh chấp. Việc canh tác, trồng trọt chủ yếu là cây vải, sản ngoài ra có một số loại cây khác.

Ông được biết trước đây bố mẹ anh Lư V Q có chia cho anh Lư V Q, anh Lư Vinh B mỗi người con $\frac{1}{2}$ thửa đất rừng trong khu vực núi Hàm rồng, nhưng cụ thể việc thỏa thuận như thế nào, có văn bản gì với nhau không thì ông không biết.

Số cây vải mà anh Lư V Q đang kiện đòi (khoảng 450 cây) là có công sức trồng trọt của cả gia đình anh Lư V Q (gồm bố mẹ và các anh em trong gia đình anh Lư V Q) chứ không phải tài sản riêng của anh Lư V Q vì trong gia đoạn đó vợ chồng anh Lư V Q ở cùng bố mẹ, ông Đ – bà M có tham gia vào việc chăm sóc, thu hoạch với vợ chồng anh Lư V Q.

Ngày 29/10/2019 nguyên đơn có yêu cầu thẩm định, định giá đối với diện tích đất đang tranh chấp.

Ngày 27/5/2020 Hội đồng định giá tài sản UBND huyện L N đã tiến hành xem xét tại chỗ, thẩm định, định giá đối với tài sản đang tranh chấp.

Kết quả thẩm định, định giá như sau:

Diện tích đất đo đạc trên thực địa là 115.991 m². Trong đó phần diện tích Ban chỉ huy quân sự huyện L N đã thu hồi là 28.360 m².

Trong tổng diện tích 115.991 m² nêu trên, phần đất anh Lư V Q đang kiện đòi có diện tích 58.598 m², trong phần đất này có 15.246 m² thuộc khu vực Ban chỉ huy quân sự huyện L N thu hồi (đã đền bù cho anh Lư Vinh B). Phần đất còn lại 43.352m² hiện nay anh Lư Vinh B đang quản lý.

Về trị giá đất cùng những tài sản trên đất, các đương sự không yêu cầu xem xét, định giá. Về giá đất đề nghị căn cứ vào Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày

23/12/2016 của UBND huyện L N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện xây dựng công trình quốc phòng.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa, Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết về kết quả thẩm định, định giá tài sản. Các đương sự đều không phản nàn, khiếu nại gì đối với kết quả thẩm định, định giá tài sản.

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 25/2020/DS – ST ngày 09 - 9 - 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 2, khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155; Điều 157; Điều 161; Điều 164; Điều 165; Điều 166; Điều 201; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 155; Điều 158; Điều 163; Điều 166; Điều 212; Điều 221; khoản 2 Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 588; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 29 Điều 3; Điều 100; Điều 166; Điều 167; Điều 168 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 18; khoản 1, khoản 4 Điều 26, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lư V Q về việc kiện đòi diện tích 5ha đất lâm nghiệp.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lư V Q về việc công nhận 450 cây vải thiều trên diện tích đất tranh chấp là tài sản riêng của vợ chồng anh Lư V Q.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lư V Q về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU654131, số vào sổ cấp CH000393 (Quyết định cấp số 1120/QĐ-UBND) ngày 12/6/2014 do UBND huyện L N cấp cho anh Lư Vinh B.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lư V Q về việc buộc anh Lư Vinh B phải bồi thường 140 cây vải đã bị chặt phá có trị giá 140.000.000 đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lư V Q về việc trích chia công sức tôn tạo đất, trồng và chăm sóc cây. Cụ thể buộc anh Lư Vinh B phải trích trả cho anh Lư V Q số tiền 285.600.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

6. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của ông Dương Phúc V về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00701 QSDĐ/1082/QĐ-UB(H) ngày 08/11/2002 của UBND huyện L N cấp cho ông Lư Vinh B và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số 00700 QSDĐ/1082/QĐ-UB(H) ngày 08/11/2002 của UBND huyện L N cấp cho ông Lư Hán Đ.

7. Về chi phí giám định: Buộc anh Lư V Q phải chịu 4.860.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) chi phí giám định chữ viết, chữ ký. Xác nhận anh Lư V Q đã nộp đủ chi phí giám định.

8. Về chi phí định giá tài sản: Buộc anh Lư V Q phải chịu 4.000.000 đồng chi phí định giá tài sản, xác nhận anh Lư V Q đã nộp đủ.

Buộc anh Lư Vinh B phải trả cho anh Lư V Q số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí định giá tài sản.

9. Về án phí:

- Buộc anh Lư V Q chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất; 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu công nhận tài sản trên đất và 7.000.000 đồng đối với yêu cầu kiện đòi bồi thường. Tổng số tiền anh Lư V Q phải chịu là 7.900.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng tạm ứng án phí anh Lư V Q đã nộp theo biên lai số AA/2015/000801 ngày 07/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Trả lại anh Lư V Q số tiền 12.100.000 đồng (mười hai triệu một trăm nghìn đồng).

Buộc anh Lư Vinh B chịu 14.280.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Dương Phúc V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0005072 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 16/9/2020 anh Lư V Q kháng cáo, ngày 22/9/2020 anh Lư V Q bổ sung kháng cáo.

Nội dung anh Lư V Q kháng cáo:

Bản án sơ thẩm buộc anh Lư Vinh B trích chia cho anh 285.000.000 đồng là không tương xứng với công sức do anh bỏ ra;

Bản án sơ thẩm không xem xét đến công sức của chị Lư Thị L là em gái anh; đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 23/9/2020 anh Lư Vinh B kháng cáo.

Nội dung kháng cáo:

Bản án sơ thẩm buộc anh phải trích chia cho anh Lư V Q 285.000.000 đồng là không phù hợp, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của anh Lư V Q.

Ngày 10/3/2021, anh Lư Vinh B thay đổi nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giảm mức trích chia cho anh Lư V Q, anh đồng ý trích chia cho anh Lư V Q 16.458.000 đồng.

Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lư V Q không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; Anh Lư Vinh B không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Anh Lư V Q trình bày: Diện tích đất tại lô 40 khoảnh 6 là của hộ gia đình ông Lư Hán Đ, bà Hoàng Thị M M được nhận từ năm 1991; đến năm 1996 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; diện tích hiện trạng được xác định là 102.400 m². Năm 1993 gia đình ông Lư Hán Đ chia đôi diện tích 102.400m² cho anh và anh Lư Vinh B mỗi người 1/2, năm 1997 anh bắt đầu trồng cây trên diện tích đất được chia, trong 04 năm liên tục từ 1997 đến 2001 anh đã trồng được 450 cây vải thiều các loại do anh tự chiết cành, xin hàng xóm cành giống. Đến năm 2007, anh nhường cho bố mẹ là ông Lư Hán Đ và bà Hoàng Thị M M chăm sóc và thu hoạch hoa lợi từ 450 cây vải thiều do anh trồng. Đến năm 2014, anh Lư Vinh B chiếm dụng toàn bộ diện tích đất và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lư Vinh B. Anh xác định toàn bộ diện tích đất 102.400 m² ông Lư Hán Đ được nhận từ năm 1991 tại lô 40, khoảnh 6 là tài sản chung của gia đình gồm có: Ông Lư Hán Đ và bà Hoàng Thị M M, anh Lư Vinh B, chị Lư Thị L, anh Lư V Q.

Sau khi Nhà nước đã thu hồi 28.360 m² đất, diện tích còn lại là 74.040 m², anh đề nghị chia làm 5 phần bằng nhau, mỗi phần đất được chia có diện tích là 14.800 m², anh xin nhận diện tích đất phần của mình được chia là 14.800 m².

Số tiền đền bù anh Lư Vinh B đã nhận là 1.674.748.280 đồng, anh đề nghị chia làm 2 phần, anh xin nhận 1/2 (số tiền anh được nhận tương ứng là 837.374.140 đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lư Vinh B (anh Phạm Đình V) trình bày: Anh Lư V Q cho rằng diện tích đất 102.400 m² là tài sản chung của gia đình là không đúng vì đất là do anh Lư Vinh B nhận chuyển nhượng của ông Dương Phúc V từ năm 2014. Diện tích anh Lư Vinh B đang sử dụng bị nhà nước thu hồi theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai, thì anh Lư Vinh B là người được nhận đền bù. Anh Lư V Q yêu cầu trích chia công sức từ năm 2006 đến năm 2014, như vậy xác định công sức của anh Lư V Q chỉ là 8 năm, không phải công sức của anh bỏ ra đầu tư vào trồng trọt và bảo vệ đất từ năm 1999 đến năm 2017.

Bản án sơ thẩm xác định anh Lư V Q có 70% công sức trong tổng giá trị 450 cây vải thiều được đền bù là không có căn cứ, sự thật 450 cây vải thiều này có một số cây đã được gia đình ông Lư Hán Đ trồng trước đó, anh Lư V Q chỉ là người trồng tiếp.

Anh Lư Vinh B đồng ý đền bù công sức trồng cây cho anh Lư V Q tính công theo mức lương cơ sở vùng từ năm 1998 đến hết năm 2006, tính thành tiền là 20.526.000 đồng. Anh đề nghị khấu trừ 50% số tiền trên cho chi phí sinh hoạt của anh Lư V Q, số tiền còn lại anh Lư V Q được đền bù là 10.263.000 đồng.

Anh Lư Vinh B trình bày: Đồng ý với ý kiến của anh Phạm Đình V đã trình bày. Anh Lư Vinh B bổ sung ý kiến: Diện tích đất 102.400 m² tại lô 40, khoảnh 6 anh chuyển nhượng của ông Dương Phúc V từ năm 2014, diện tích đất này ông Lư Hán Đ, bà Hoàng Thị M M quản lý và sử dụng từ năm 1995, ngoài ra có anh cùng tham gia lao động với gia đình. Vào thời điểm năm 1995, Anh Lư V Q còn nhỏ được gia đình cho đi học nên không có đóng góp công sức gì. Khoảng năm 1997 – 1998 anh Lư V Q nghỉ học và phụ giúp gia đình, anh Lư V Q không có đóng góp vào việc trồng, chăm sóc 450 cây vải thiều đã được đền bù do thu hồi đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 306 của Bộ luật tố tụng dân sự:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Lư V Q, anh Lư Vinh B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS – ST ngày 09 - 9 – 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên, họ không có liên quan đến kháng cáo và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 294, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Việc thay đổi nội dung kháng cáo của anh Lư Vinh B:

Ngày 10/3/2021, anh Lư Vinh B thay đổi nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giảm mức trích chia cho anh Lư V Q, anh đồng ý trích chia cho anh Lư V Q 16.458.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Anh Lư Vinh B thay đổi nội dung kháng cáo trong phạm vi kháng cáo ban đầu, việc thay đổi nội dung kháng cáo của anh Lư Vinh B đúng thủ tục quy định tại Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xem xét nội dung anh Lư Vinh B thay đổi nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của anh Lư V Q và kháng cáo của anh Lư Vinh B về việc không đồng ý với bản án sơ thẩm về số tiền anh Lư Vinh B phải trích trả cho anh Lư V Q. Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Thấy rằng trên diện tích 102.400m² mà anh Lư Vinh B đang sử dụng trước đây toàn bộ diện tích đất này là đất đứng tên ông Dương Phúc V nhưng ông Dương Phúc V không sử dụng mà gia đình Lư Hán Đ quản lý, sử dụng. Tài sản trên đất phần lớn trồng vải thiều và một số cây ăn quả, cây lấy gỗ khác. Gia đình ông Lư Hán Đ trồng trọt, canh tác từ năm 1991. Tài sản trên đất là công sức của cả gia đình, trong đó có cả công sức của anh Lư V Q. Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh Lư Vinh B đều thừa nhận công sức của anh Lư V Q trong việc trồng trọt cây cối giúp gia đình, do vậy đây là những tình tiết, chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự do được các bên thừa nhận. Vì là người có công sức cải tạo, trồng trọt, chăm sóc cây nên việc anh Lư V Q yêu cầu anh Lư Vinh B trích chia công sức từ số tiền anh Lư Vinh B đã nhận bồi thường là có căn cứ. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của những hộ gia đình giáp ranh liền kề với phần đất đang tranh chấp thì thấy: Thực tế từ những

năm 1997 anh Lư V Q đã canh tác, trồng cây vải trên diện tích đất 102.400 m² (Đất khi đó mang tên ông Dương Phúc V) tại khu vực núi Hàm rồng, thôn L, xã N D. Sau khi lấy vợ là chị Trịnh Thị H thì hai vợ chồng anh Lư V Q cùng có công chăm sóc cây, tôn tạo đất. Trong thời gian này vợ chồng anh Lư V Q ở cùng bố mẹ đẻ ông Lư Hán Đ, bà Hoàng Thị M M. Hộ gia đình có 4 thành viên đều trên 18 tuổi, công sức trong việc tạo ra khối tài sản chủ yếu do anh Lư V Q là chính, ông Lư Hán Đ, bà Hoàng Thị M M, chị Nguyễn T T chỉ là phụ.

Chính lời khai của bị đơn anh Lư Vinh B, bà Hoàng Thị M M cũng thừa nhận anh Lư V Q có tham gia trồng trọt, đóng góp công sức vào khối tài sản mà anh Lư Vinh B đã được nhận tiền đền bù của nhà nước. Mặc dù anh Lư V Q không thể xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho những chi phí vật chất trong việc mua cây giống, mua phân bón, thuê người làm, thuê máy móc ... nhưng xét thấy việc đóng góp công sức của anh Lư V Q là sự thật, được các đương sự khác thừa nhận do vậy yêu cầu của anh Lư V Q là có căn cứ nên được chấp nhận.

Mức trích chia công sức của anh Lư V Q dựa trên trị giá số cây đã được nhà nước thu hồi, đền bù. Cụ thể đối với 300 cây vải đường kính tán từ 5,5m – 6,5m có giá 960.000 đồng/cây, thành tiền là 288.000.000 đồng; 150 cây đường kính tán 4,5m – 5,5m có giá trị 800.000 đồng/cây, thành tiền là 120.000.000 đồng.

Tổng trị giá 450 cây vải là: 408.000.000 đồng (*Căn cứ tính giá theo Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện L Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện xây dựng công trình quốc phòng*).

Xét công sức của anh Lư V Q trong việc trồng trọt, chăm sóc cây là chính, nay cần trích chia cho anh Lư V Q được hưởng 70% trị giá số cây trên thành tiền là 285.600.000 đồng. Do anh Lư Vinh B đã được nhận toàn bộ tiền đền bù số tài sản trên đất nên bản án sơ thẩm buộc anh Lư Vinh B phải trích trả anh Lư V Q số tiền 285.600.000 đồng là hợp tình, hợp lý, có căn cứ, đúng quy định tại Điều 219 của Bộ luật dân sự, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các bên. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Lư V Q yêu cầu anh Lư Vinh B phải trích chia cho anh Lư V Q 837.374.140 đồng; không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Lư Vinh B chỉ đồng ý trích chia cho anh Lư V Q 10.263.000 đồng.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của anh Lư V Q nội dung: Bản án sơ thẩm không xem xét đến công sức của chị Lư Thị L là em gái anh; đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập, trực tiếp liên hệ để làm việc với chị Lý nhưng chị Lý không hợp tác, không tham gia tố tụng. Mặt khác trong vụ án này Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết đối với yêu cầu trích chia công sức của anh Lư V Q, còn đối với việc chia tài sản chung của hộ gia đình, các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Khi nào các thành viên trong hộ gia đình ông Lư Hán Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung (trong đó có chị Lư Thị L) thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác. Anh Lư V Q yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh những thiếu sót, vi phạm quy định tại Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Đối với ý kiến của anh Lư V Q trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, yêu cầu được chia diện tích đất 74.040 m² (là diện tích đất còn lại sau khi Nhà nước đã thu hồi 28.360 m²) làm 5 phần bằng nhau, anh xin nhận 1/5 diện tích đất được chia là 14.800 m². Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của anh Lư V Q vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của anh Lư V Q.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Lư V Q; không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Lư Vinh B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS – ST ngày 09 - 9 – 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang là có căn cứ.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Lư V Q và anh Lư Vinh B không được chấp nhận nên anh Lư V Q và anh Lư Vinh B phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 284, Điều 293, Điều 294, Điều 296, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lư V Q;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lư Vinh B.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS – ST ngày 09 - 9 – 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Áp dụng khoản 2, khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155; Điều 157; Điều 161; Điều 164; Điều 165; Điều 166; Điều 201; Điều 244; Điều 293; Điều 294; Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 155; Điều 158; Điều 163; Điều 166; Điều 212; Điều 219; Điều 221; khoản 2 Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 588; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 29 Điều 3; Điều 100; Điều 166; Điều 167; Điều 168 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 18; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lư V Q về việc yêu cầu anh Lư Vinh B trích chia công sức trồng và chăm sóc cây.

Cụ thể buộc anh Lư Vinh B phải trích trả cho anh Lư V Q số tiền 285.600.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Lư V Q và anh Lư Vinh B mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ cho anh Lư V Q vào số tiền 300.000 đồng đã nộp ghi tại biên lai số AA/2019/0001570 ngày 23/9/2020; trừ cho anh Lư Vinh B vào số tiền 300.000 đồng đã nộp ghi tại biên lai số AA/2019/0001571 ngày 23/9/2020. Anh Lư V Q và anh Lư Vinh B đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo